

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HS-ST
Ngày 14/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC - TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Vinh; Ông Ngô Văn Tuyển.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:**
Bà Bùi Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2024/TLST-HS ngày 21/02/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HS ngày 04/3/2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Võ Thị H**; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; sinh năm 1979, tại tỉnh Thanh Hóa - (Có mặt);

Nơi cư trú: **Tổ dân phố G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12;

Con ông **Võ Quang Đ** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1945; Gia đình bị cáo có 05 anh, chị, em ruột, bị cáo là con thứ năm; Bị cáo có chồng là **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1979 (đã ly hôn) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ **Công an huyện K** từ ngày 03/3/2023, đến ngày 09/3/2023 thay thế biện pháp ngăn chặn **C1** đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ và tên: **Võ Thị Lệ T1**; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; sinh năm 1973, tại tỉnh Bình Định - (Có mặt);

Nơi đăng ký HKTT: **Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**; Nơi ở: **Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12;

Con ông **Võ Văn B**, sinh năm 1954 và bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1956; Gia đình bị cáo có 06 anh, em ruột, bị cáo là con thứ hai; Bị cáo có chồng là **Trần**

Huỳnh Đ1 (đã ly hôn năm 2011) và có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1997;

Tiền sự: Không;

Tiền án: 01 (Tại Bản án số 36/2012HSST ngày 13/4/2012 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo xử phạt 06 tháng tù về tội "Đánh bạc"; Bị cáo kháng cáo, tại Bản án số 237/2012/HSST ngày 16/7/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ; Ngày 07/12/2013 bị cáo chấp hành xong cải tạo không giam giữ; Ngày 06/11/2023 nộp án phí HSST; Chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ **Công an huyện K** từ ngày 03/3/2023, đến ngày 09/3/2023 thay thế biện pháp ngăn chặn **C1** đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ và tên: Nguyễn Thị Xuân S; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; sinh năm 1988, tại tỉnh Đắk Lắk - (Có mặt);

Nơi cư trú: **Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12;

Con ông **Nguyễn Văn H2** (đã chết) và con bà **Phan Thị X**, sinh năm 1966; Gia đình bị cáo có 05 anh, em ruột, bị cáo là con thứ hai; Bị cáo chưa có chồng, có 01 con sinh năm 2008;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ **Công an huyện K** từ ngày 03/3/2023, đến ngày 09/3/2023 thay thế biện pháp ngăn chặn **C1** đi khỏi nơi cư trú.

4. Họ và tên: Nguyễn Hưng Q; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; sinh năm 1989, tại tỉnh Đắk Lắk - (Có mặt);

Nơi cư trú: **Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; trình độ học vấn: 12/12;

Con ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1948 và con bà **Đặng Thị H3**, sinh năm 1961; Gia đình bị cáo có 03 anh, em ruột, bị cáo là con lớn nhất; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Họ và tên: Lê Thị L; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; sinh năm 1950, tại tỉnh Quảng Nam - (Có mặt);

Nơi cư trú: **Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 4/12;

Con ông **Lê S1** (đã chết) và con bà **Nguyễn Thị N** (đã chết); Bị cáo có chồng là **Nguyễn L1** (đã chết) và có 08 con, con lớn nhất sinh năm 1968, con nhỏ nhất sinh năm 1990;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Họ và tên: Trần Thị L2; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; sinh năm 1977, tại tỉnh Đắk Lắk - *(Có mặt)*;

Nơi cư trú: **Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 01/12;

Con ông **Trần Quang D** (đã chết) và con bà **Nguyễn Thị H4** (đã chết); Bị cáo có chồng là **Lê Tấn T3**, sinh năm 1978 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2007;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà **Phan Thị H5**, sinh năm 1967 (Địa chỉ: **Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**);

2. Bà **Nguyễn Thị H6**, sinh năm 1959 (Địa chỉ: **Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**);

3. Bà **Phạm Thị N1**, sinh năm 1960 (Địa chỉ: **Tổ dân phố G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**);

4. Bà **Cao Thị T4**, sinh năm 1969 (Địa chỉ: **Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**);

5. Ông **Nguyễn Ngọc T5**, sinh năm 1994 (Địa chỉ: **Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**);

6. Ông **Huỳnh Văn D1**, sinh năm 1975 (Địa chỉ: **Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**);

7. Ông **Nguyễn Ngọc K**, sinh năm 1976 (Địa chỉ: **Tổ dân phố E, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**).

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thị Lệ T1 cư trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk quen biết Nguyễn Thị Xuân S, cư trú tại tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K. Khoảng cuối tháng 02/2023, T1 gặp và nói với S: Nếu muốn ghi số lô, số đề để hưởng chênh lệch thì chuyển lại cho T1. S đồng ý. T1 và S thỏa thuận: Đánh bao lô, S ghi cho khách 01 điểm 13.000 đồng, chuyển lại cho T1 01 điểm 12.600 đồng, số tiền 400 đồng/01 điểm, S được hưởng; đánh đầu đuôi S ghi cho khách 100 điểm 80.000 đồng, chuyển lại cho T1 71.000 đồng, số tiền 9.000 đồng/100 điểm Sang được hưởng. Ngày 02/3/2023, S bắt đầu nhận số lô, số đề, sau đó tổng hợp vào tờ giấy kê ô ly và lựa chọn các số đề chuyển cho T1 một ít để hưởng chênh lệch, đồng thời giữ lại để trực tiếp thắng thua với người chơi. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, khi S đang tính toán tiền thắng, thua với người chơi thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K phát hiện bắt quả tang.

Qua lời khai của S, cùng ngày 02/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Võ Thị Lệ T1. Quá trình khám xét thu giữ được 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màn hình cảm ứng, màu đen, số Imeil: 868236040938277, số Imei 2: 868236040938269 số thuê bao 0946154553, số sơ ri sim 11417206610. Tiến hành kiểm tra tin nhắn điện thoại có các tin nhắn nhận số lô, số đề mà S đã chuyển cho T1. Ngoài ra T1 khai nhận, sau khi nhận các số lô, số đề từ S, đối tượng N2 và đối tượng T6, T1 tổng hợp lại rồi chuyển một phần các số lô, số đề cho Võ Thị H, phần còn lại để trực tiếp thắng thua với người chơi.

Căn cứ lời khai của Võ Thị Lệ T1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Võ Thị H. Quá trình khám xét, thu giữ được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bàn phím số, màu đen, gắn sim số 0947288645 để nhận tin nhắn số lô, số đề từ T1. Ngoài ra H còn nhận số lô, số đề của Trần Thị L2, Lê Thị L và một số đối tượng chưa xác định được nhân thân lai lịch.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Thị Xuân S, Võ Thị Lệ T1, Võ Thị H, Trần Thị L2, Lê Thị L, Nguyễn Hưng Q đã khai nhận hành vi phạm tội của mình cụ thể như sau:

1. Nguyễn Thị Xuân S khai: Vào khoảng cuối tháng 02/2023, S đến quán cà phê tìm và nói với một số người nếu có nhu cầu ghi số lô, số đề thì gặp S để ghi. Ngày 02/3/2023, S sử dụng điện thoại Iphone 11, màu đen gắn sim số 0972109447 bắt đầu tổ chức ghi số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại của Trần Thị L2, Nguyễn Hưng Q, Nguyễn Thị H6, Phan Thị H5, Cao Thị T4, Phạm Thị N1 và các đối tượng L3, L4, H5, H7, H8, H9 (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) và nhận trực tiếp của khách vắng lai (không biết tên, nhân thân lai lịch). Sau khi nhận các số lô, số đề, S ghi vào 01 tờ giấy (gọi là tích đề) và lựa chọn các con số để chuyển cho T1 một ít để hưởng chênh lệch, đồng thời S giữ lại một phần để trực tiếp thắng thua với người chơi. Dựa vào kết quả xổ số kiến thiết đài miền T (các tỉnh Tây Ninh, An Giang, Bình Thuận), đài miền N (các tỉnh Bình Định, Quảng Bình, Quảng Trị) và kết quả xổ số miền B, S đã ghi số lô, số đề cho:

Trần Thị L2, số tiền 16.134.900 đồng, trong đó: Đài miền **T7** 12.835.000 đồng (số tiền ghi thực tế 5.135.900 đồng, trúng 7.700.000 đồng); đài **miền N** 1.749.900 đồng; đài miền Bắc 1.550.000 đồng;

Nguyễn Hưng Q, đài **miền T (tỉnh Bình Định)**, số tiền 25.615.000 đồng (số tiền ghi thực tế 4.615.000 đồng, trúng 21.000.000 đồng);

Nguyễn Thị H6, đài **miền T (tỉnh Quảng Bình)**, số tiền 275.000 đồng (số tiền ghi thực tế 100.000 đồng, trúng 175.000 đồng);

Phan Thị H5, đài **miền T**, số tiền 1.790.000 đồng, trong đó: tỉnh Bình Định 1.530.000 đồng (số tiền ghi thực tế 130.000 đồng, trúng 1.400.000 đồng); tỉnh Quảng Bình 130.000 đồng; tỉnh Quảng Trị 130.000 đồng;

Cao Thị T4, số tiền 1.072.000 đồng, trong đó: Đài miền **T7** (tỉnh Bình Định) số tiền 883.000 đồng (số tiền ghi thực tế 183.000 đồng, trúng 700.000 đồng); đài miền Bắc 189.000 đồng;

Phạm Thị N1, đài **miền T (tỉnh Bình Định)** số tiền 165.000 đồng;

Đối tượng **L3** (chưa xác định được nhân thân lai lịch), số tiền 2.530.000 đồng, trong đó: Đài **miền N (tỉnh Tây Ninh)** 2.295.000 đồng (số tiền ghi thực tế 195.000 đồng, trúng 2.100.000 đồng); đài **miền T (tỉnh Bình Định)** 130.000 đồng; đài miền Bắc 105.000 đồng;

L4 (chưa xác định được nhân thân lai lịch), số tiền 5.691.000 đồng, trong đó: Đài miền **T7** 2.421.000 đồng (số tiền ghi thực tế 1.721.000 đồng, trúng 700.000 đồng); đài **miền N** 3.270.000 đồng (số tiền ghi thực tế 1.170.000, trúng 2.100.000 đồng);

H5 (chưa xác định được nhân thân lai lịch), đài **miền N** số tiền 585.000 đồng;

H7 (chưa xác định được nhân thân lai lịch) số tiền 702.000 đồng, trong đó: Đài miền Nam 300.000 đồng; đài miền Bắc 122.000 đồng; **miền T** 280.000 đồng

Hương (chưa xác định được nhân thân lai lịch), đài **miền N** số tiền 5.500.000 đồng (số tiền ghi thực tế 1.300.000 đồng, trúng 4.200.000 đồng);

H9 (chưa xác định được nhân thân lai lịch), đài **miền T (tỉnh Bình Định)** số tiền 1.790.000 đồng (số tiền ghi thực tế 390.000 đồng, trúng 1.400.000 đồng);

Nhận của khách vắng lai (không biết tên, địa chỉ) số tiền 1.318.200 đồng;

Tổng số tiền **Nguyễn Thị Xuân S** ghi số lô, số đề là 63.126.100 đồng trong đó: Đài miền **B1** 1.966.000 đồng; Đài miền Nam 13.699.900 đồng; đài **miền T** 47.514.200 đồng;

Sau đó **S** tổng hợp lại và chọn các con số chuyển lại một phần cho **Võ Thị Lệ T1** số tiền 7.461.400 đồng (trong đó: Đài **miền N** 2.241.200 đồng; đài **miền T** 5.220.200 đồng) để hưởng chênh lệch. Sang giữ lại trực tiếp đánh bạc với người chơi số tiền 55.664.700 đồng (trong đó: Đài miền **T7** 42.294.000 đồng; đài **miền N** 11.458.700 đồng; Đài miền Bắc 1.966.000 đồng);

2. **Võ Thị Lệ T1** khai:

Do quen biết **Nguyễn Thị Xuân S** nên khoảng cuối tháng 02/2023, **T1** gặp và nói với **S**: Nếu muốn ghi số lô, số đề để hưởng chênh lệch thì chuyển lại cho **T1**. **S** đồng ý. Ngày 02/3/2023, **T1** sử dụng số điện thoại 0946154553 để nhận các số lô số đề của:

Nguyễn Thị Xuân S chuyển cho **T1**, đài **miền T** số tiền 5.220.200 đồng (*thực tế chuyển 1.720.200 đồng, trúng 3.500.000 đồng*); Đài **miền N** số tiền 2.241.200 đồng (*thực tế chuyển 841.200 đồng, trúng 1.400.000 đồng*); Tổng số tiền 7.461.400 đồng (*số tiền ghi thực tế 2.561.400 đồng, trúng 4.900.000 đồng*);

Ngoài ra, **T1** còn trực tiếp ghi số lô, số đề cho đối tượng **N2** có số điện thoại 0918862606 (*chưa xác định được nhân thân lai lịch*) số tiền 14.188.800 đồng, trong đó: Đài miền **T7** 12.028.800 đồng, (*gồm: tỉnh Bình Định 4.454.800 đồng: số tiền ghi thực tế 2.494.800 đồng, trúng 1.960.000 đồng; tỉnh Quảng Bình 2.212.000 đồng: số tiền ghi thực tế 1.512.000 đồng, trúng 700.000 đồng; tỉnh Quảng Trị 5.362.000 đồng: số tiền ghi thực tế 1.512.000 đồng, trúng 3.850.000 đồng*); đài **miền B** 2.160.000 đồng.

Đối tượng **T6**, số điện thoại 0396759238 (*chưa xác định được nhân thân lai lịch*) số tiền 5.391.920 đồng, trong đó: Đài miền Nam 1.371.680 đồng (*số tiền ghi thực tế 1.021.680 đồng, trúng 350.000 đồng*); Đài miền **T7** 3.660.120 đồng; đài miền Bắc 360.120 đồng.

Tổng số tiền **T1** ghi số lô, số đề là 27.042.120 đồng; Sau khi nhận các số lô, số đề, **T1** tổng hợp lại chuyển cho **Võ Thị H** số tiền 2.798.600 đồng đài **miền T** (*số tiền ghi thực tế 1.398.600 đồng, trúng 1.400.000 đồng*); Phần còn lại **T1** giữ lại trực tiếp thắng thua với người chơi 24.243.520 đồng (*trong đó: Đài miền **T7**: 18.110.520 đồng; Đài **miền N**: 3.612.880 đồng; Đài miền Bắc: 2.520.120 đồng*).

3. **Võ Thị H** khai: Vào chiều ngày 02/3/2023, **H** sử dụng số điện thoại 0947288645 để nhận các tin nhắn số lô, số đề của:

Võ Thị Lệ T1, đài **miền T** số tiền 2.798.600 đồng (*số tiền ghi thực tế 1.398.600 đồng, trúng 1.400.000 đồng*);

Trần Thị L2, đài **miền T** (tỉnh Bình Định) số tiền 1.690.000 đồng;

Lê Thị L, đài **miền T** (tỉnh Bình Định) số tiền 21.798.000 đồng (*số tiền ghi thực tế 9.898.000 đồng, trúng 11.900.000 đồng*);

Đối tượng **L4** (*chưa xác định được nhân thân lai lịch*) đài **miền T** số tiền 3.978.000 đồng (*số tiền ghi thực tế 2.228.000 đồng, trúng 1.750.000 đồng*);

Số điện thoại 0824165189 đài **miền T** (tỉnh Bình Định) số tiền 1.277.200 đồng (*số tiền ghi thực tế 277.200 đồng, trúng 1.000.000 đồng*);

Tổng số tiền **Võ Thị H** nhận ghi số lô, số đề là 31.541.800 đồng (*số tiền ghi thực tế 15.491.800 đồng, trúng 16.050.000 đồng*) và một số lô số đề đã nhận nhưng **H** xóa tin nhắn đi. Sau đó **H** chuyển toàn bộ cho **B2** (*không rõ họ tên, địa chỉ*) có số điện thoại 0945153847, 0366114435 số tiền 37.547.000 đồng (gồm cả

số lô số đề H nhận nhưng đã xóa tin nhắn đi), trong đó: đài miền T 35.305.000 đồng (số tiền chuyển thực tế 19.695.000 đồng, trúng 15.610.000 đồng); đài miền N số tiền 2.242.000 đồng.

4. Trần Thị L2 khai: Trong ngày 02/3/2023, L2 đã ghi số lô, số đề với Nguyễn Thị Xuân S và Võ Thị H, cụ thể:

Võ Thị Xuân S2 số tiền 16.134.900 đồng; trong đó: đài miền T 12.835.000 đồng (số tiền ghi thực tế 5.135.900 đồng, trúng 7.700.000 đồng); đài miền N 1.749.900 đồng; đài miền Bắc 1.550.000 đồng;

Võ Thị H, đài miền T (tỉnh Bình Định) số tiền 1.690.000 đồng.

Tổng số tiền L2 ghi số lô, số đề là 17.824.900 đồng (số tiền ghi thực tế 10.125.800 đồng, trúng 7.700.000 đồng), trong đó đài miền T7 14.525.000 đồng (số tiền ghi thực tế 6.825.900 đồng, trúng 7.700.000 đồng).

5. Lê Thị L khai: Trong quá trình sinh sống, L có quen biết với Võ Thị H và vay H 12.000.000 đồng. Vào ngày 02/03/2023, biết H ghi số lô, số đề nên gọi điện thoại cho H nói L muốn ghi số lô, số đề, nếu trúng thì trừ số nợ L đã vay, nếu thua thì L sẽ trả tiền cho H, H đồng ý. L và H thỏa thuận với nhau đối với đánh bao lô thì 1 điểm = 12.600 đồng, đánh đầu chót 1 điểm = 700 đồng, thắng đối với đánh bao lô 1 điểm = 70.000 đồng, đánh đầu chót 1 điểm = 70.000 đồng.

Số tiền L ghi số lô, số đề đài miền T (tỉnh Bình Định) số tiền là 21.798.000 đồng (số tiền thực tế 9.898.000 đồng, trúng là 11.900.000 đồng).

6. Nguyễn Hưng Q khai: Vào khoảng 15 giờ chiều ngày 02/03/2023, Q đang làm việc tại quán cắt tóc ở tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K của anh Nguyễn Ngọc K thì có số điện thoại 0972797798 gọi vào số điện thoại 0942532432 của Q. Qua nói chuyện thì Q biết người này tên D1 nhà ở thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (D1 có một vài lần cắt tóc ở quán của anh K). D1 nhờ Q đánh bao lô con số 17 x 300 điểm với số tiền là 3.900.000 đồng, dựa vào kết quả xổ số của tỉnh Bình Định, Q đồng ý. Sau khi D1 nhờ Q ghi giúp số lô, số đề thì anh Nguyễn Ngọc K cũng nhờ Q ghi giúp các số lô, số đề, số tiền 715.000 đồng. Sau đó Q sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0942532432 gọi điện thoại cho số thuê bao 0972109447 của Nguyễn Thị Xuân S để ghi số lô, số đề giúp D1 và K. Tổng số tiền Q ghi số lô, số đề đài miền T (tỉnh Bình Định) là 25.615.000 đồng (số tiền ghi thực tế 4.615.000 đồng, trúng 21.000.000 đồng).

Hình thức ghi số lô, số đề: Các bị cáo thỏa thuận với người chơi như sau:

- Đánh bao lô hai số: Trong kết quả xổ số miền T, miền N gồm có 8 giải thưởng và có 18 dãy các con số thường gọi là “18 lô”, còn trong kết quả xổ số miền B gồm có 8 giải thưởng và 27 dãy các con số thường gọi là “27 lô”. Nếu con số người chơi mua (con số có hai số) có trong các “lô” của kết quả xổ số thì người chơi thắng. Đối với bao lô hai số của kết quả xổ số miền T, miền N thì 1 điểm = 13.000 đồng nếu thắng thì 1 điểm = 70.000 đồng. Đối với bao lô hai số của kết quả xổ số miền B thì 1 điểm = 21.000 đồng, nếu thắng thì 1 điểm = 70.000 đồng.

- Đánh bao lô ba số: Nếu số người chơi mua (con số có ba số) có trong các “lô” của kết quả xổ số thì người chơi thắng. Đối với bao lô ba số của kết quả xổ số **miền T, miền N** thì 1 điểm = 12.000 đồng, nếu thắng thì 1 điểm = 300.000 đồng. Đối với đánh bao lô ba số của kết quả xổ số **miền B** thì 1 điểm = 18.000 đồng nếu thắng thì 1 điểm = 300.000 đồng.

- Đánh đá: Người chơi chọn 2 con số bất kỳ mà mình thích, nếu trong kết quả xổ số có 2 con số người chơi chọn thì người chơi thắng. Đối với đánh đá của xổ số **miền T, miền N** thì 1 điểm = 13.000 đồng nếu thắng thì 1 điểm = 500.000 đồng. Đối với đánh đá của xổ số **miền B** thì 1 điểm = 21.000 đồng nếu thắng thì 1 điểm = 500.000 đồng.

- Đánh đầu chót: Người chơi lựa chọn con số bất kỳ rồi đối chiếu với giải **B3** (gọi là đầu) và giải Đặc biệt (gọi là chót) của kết quả xổ số nếu có con số người chơi chọn thì người chơi thắng. Đối với đánh đầu chót của xổ số **miền T** 1 điểm = 800 đồng, nếu thắng thì 1 điểm = 70.000 đồng. Đối với đánh con số đầu của xổ số **miền B** thì 1 điểm = 4.000 đồng nếu thắng thì 1 điểm = 70.000 đồng. Đối với đánh số chót của xổ số **miền B** thì 1 điểm = 800 đồng nếu thắng thì 1 điểm = 70.000 đồng.

Cáo trạng số: 01/CT-VKS-HS ngày 11/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo **Võ Thị Lệ T1, Nguyễn Hưng Q, Trần Thị L2** và **Lê Thị L** về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo **Võ Thị H** và **Nguyễn Thị Xuân S** về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Hưng Q** thay đổi lời khai, xác định: Vào khoảng 15 giờ chiều ngày 02/03/2023, **Q** sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0942532432 gọi điện thoại cho số thuê bao 0972109447 của **Nguyễn Thị Xuân S** để ghi số lô, số đề; **Q** đánh bao lô con số 17 x 300 điểm với số tiền là 3.900.000 đồng, đài tỉnh Bình Định và ghi các số lô, số đề, số tiền 715.000 đồng, là ghi cho **Q**, không phải ghi giúp cho ông **Huỳnh Văn D1** và ông **Nguyễn Ngọc K**. Tổng số tiền **Q** ghi số lô, số đề đài **miền T (tỉnh Bình Định)** là 25.615.000 đồng (*số tiền ghi thực tế 4.615.000 đồng, trúng 21.000.000 đồng*).

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo **Nguyễn Thị Xuân S** về tội “Tổ chức đánh bạc” và thay đổi tội danh, chuyển sang truy tố bị cáo **Nguyễn Thị Xuân S** về tội “Đánh bạc”; Truy tố các bị cáo **Võ Thị Lệ T1, Nguyễn Thị Xuân S, Nguyễn Hưng Q, Lê Thị L** và **Trần Thị L2** về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo **Võ Thị H** về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; Phù hợp với nội dung bản Cáo trạng và nội dung bổ sung, thay đổi Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc đã truy tố.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc đã luận tội, phân tích, chứng minh các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như

các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo **Võ Thị H** phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Tuyên bố các bị cáo **Võ Thị Lệ T1**, **Nguyễn Thị Xuân S**, **Nguyễn Hưng Q**, **Trần Thị L2** và **Lê Thị L** phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự;

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo **Võ Thị H** từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo **Võ Thị Lệ T1** từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Xuân S** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ; Miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo **Nguyễn Hưng Q** và **Trần Thị L2**;

Đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Hưng Q** từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Đề nghị xử phạt bị cáo **Trần Thị L2** từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, o, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo **Lê Thị L** từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Đề nghị lưu theo hồ sơ vụ án 01 tờ giấy kích thước 15cm x 20cm trên tờ giấy có ghi các số lô, số đề có chữ ký của bị cáo **Nguyễn Thị Xuân S**;

-Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước:01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone11, màu đen của **Nguyễn Thị Xuân S**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màn hình cảm ứng, màu đen, số Imei1: 868236040938277, số Imei 2: 868236040938269 của **Võ Thị Lệ T1**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bàn phím số, màu đen, **số I:** 353120114702557, không có pin, không có vỏ nắp phía sau, số sơ ri sim 898402000 và 11417206610 của **Võ Thị H**;

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại số 0972109447 của **Nguyễn Thị Xuân S**, 01 sim điện thoại số 0946154553 của **Võ Thị Lệ T1**, 01 sim điện thoại số 0947288645 của **Võ Thị H**.

- Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền các đối tượng đã giao nộp: 100.000 đồng của Nguyễn Thị H6; 390.000 đồng của Phan Thị H5; 165.000 đồng của Phạm Thị N1;

- Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền 8.000.000 đồng cho Nguyễn Ngọc T5 (trong số tiền thu giữ trên người Nguyễn Thị Xuân S 9.530.000 đồng).

- Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.530.000 đồng của Nguyễn Thị Xuân S (là số tiền còn lại trong số tiền 9.530.000 đồng nói trên, sau khi trả cho T5).

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước của Nguyễn Thị Xuân S tổng số tiền 44.036.400 đồng, là tiền trúng đề của các bị cáo và các đối tượng, gồm: Trần Thị L2 7.700.000 đồng, Nguyễn Hưng Q 21.000.000 đồng và các đối tượng Phan Thị H5 1.400.000 đồng, Nguyễn Thị H6 175.000 đồng và Cao Thị T4 700.000 đồng, L3 2.100.000 đồng, L4 2.800.000 đồng, H8 4.200.000 đồng, H9 1.400.000 đồng và bị cáo S chuyển số lô, số đề cho bị cáo T1 số tiền 2.561.400 đồng.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước của Trần Thị L2 số tiền 10.125.800 đồng (Luận ghi số đề của bị cáo S và bị cáo H).

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước của Nguyễn Hưng Q số tiền 4.615.000 đồng.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước của đối tượng Cao Thị T4 số tiền 372.000 đồng.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước của Võ Thị Lệ T1 tổng số tiền 15.258.600 đồng, là tiền trúng đề của S chuyển đến 4.900.000 đồng, đối tượng N2 6.510.000 đồng, T6 2.450.000 đồng và T1 chuyển số lô, số đề cho H số tiền 1.398.600 đồng.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước của Võ Thị H số tiền 15.050.000 đồng, là tiền trúng đề của T1 1.400.000 đồng, L 11.900.000 đồng và đối tượng L4 1.750.000 đồng.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước của Lê Thị L số tiền 9.898.000 đồng, là tiền bị cáo L ghi số lô, số đề với H.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại

gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận:

Ngày 02/3/2023, **Võ Thị H** tổ chức đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức ghi số, lô số đề nhằm thu lợi bất chính. **Võ Thị Lệ T1**, **Nguyễn Thị Xuân S**, **Trần Thị L2**, **Lê Thị L** và **Nguyễn Hưng Q** đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức ghi số lô, số đề nhằm thu lợi bất chính, cụ thể:

1. **Võ Thị H** tổ chức ghi số lô, số đề và chuyển cho đối tượng tên Bé tổng số tiền 37.547.000 đồng, để hưởng chênh lệch;
2. **Võ Thị Lệ T1** ghi số lô, số đề, sau đó **T1** chuyển lại cho **H** một ít (không hưởng chênh lệch) và giữ lại một phần như sau:
 - Đài **miền T**: **T1** chuyển lại cho **H** số tiền 2.798.600 đồng; **T1** giữ lại 18.110.520 đồng để trực tiếp thắng thua với người chơi;
 - Đài **miền N**: **T1** nhận và trực tiếp thắng thua với người chơi tổng số tiền 3.612.880 đồng;
 - Đài **miền B**: **T1** nhận và trực tiếp thắng thua với người chơi số tiền 2.520.120 đồng.
3. **Nguyễn Thị Xuân S** có ghi số lô, số đề, sau đó **S** chuyển lại cho **Võ Thị Lệ T1** một ít và giữ lại một phần như sau:
 - Đài **miền T**: **S** chuyển lại cho **T1** số lô, số đề tương ứng số tiền 5.220.200 đồng để hưởng chênh lệch; **S** giữ lại 42.294.000 đồng để trực tiếp thắng thua với người chơi;
 - Đài **miền N**: **S** chuyển lại cho **T1** số lô, số đề tương ứng số tiền 2.241.200 đồng để hưởng chênh lệch; **S** giữ lại 11.458.700 đồng để trực tiếp thắng thua với người chơi;
 - Đài **miền Bắc**: **S** giữ lại 1.966.000 đồng để trực tiếp thắng thua với người chơi.
4. **Nguyễn Hưng Q** đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề tổng số tiền 25.615.000 đồng.
5. **Trần Thị L2** đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề tổng tiền 17.824.900đ, gồm đài **miền T** 14.525.000đ; đài **miền N** 1.749.900đ; đài **miền B** 1.550.000đ.
6. **Lê Thị L** đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề tổng số tiền 21.798.000 đồng;

Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Xét quan điểm Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên tòa truy tố các bị cáo theo Cáo trạng số: 01/CT-VKS-HS ngày 11/11/2023 và rút một phần quyết định truy tố bị cáo S về tội “Tổ chức đánh bạc” và thay đổi tội danh, chuyển sang truy tố bị cáo S về tội “Đánh bạc” (Truy tố bị cáo **Võ Thị H** phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo **Võ Thị Lệ T1**, **Nguyễn Thị Xuân S**, **Nguyễn Hưng Q**, **Trần Thị L2** và **Lê Thị L** phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS), là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Qua đó có đủ căn cứ kết luận:

Với hành vi tổ chức cho các con bạc đánh bạc (ghi số lô, số đề) với nhau và tổng số tiền bị cáo ghi số lô, số đề rồi chuyển đi để hưởng chênh lệch như trình bày ở trên, bị cáo **Võ Thị H** đã phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Điều 322 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên.

Đối với hành vi ghi số lô, số đề và tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc, các bị cáo **Võ Thị Lệ T1**, **Nguyễn Thị Xuân S**, **Nguyễn Hưng Q**, **Trần Thị L2** và **Lê Thị L** đã phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn tại địa phương nên cần áp dụng mức hình phạt phù hợp, tương ứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Xét vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng vai trò, mức độ, nhân thân khác nhau nên cần phân tích, đánh giá riêng để áp dụng mức hình phạt phù hợp cho từng bị cáo.

[4.1] Đối với tội Tổ chức đánh bạc: Bị cáo **Võ Thị H** có vai trò tích cực, tổ chức ghi số lô, số đề và chuyển cho đối tượng tên Bé tổng số tiền 37.547.000 đồng, để hưởng chênh lệch. Do đó trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **H** là cao hơn bị cáo khác.

[4.1] Đối với tội Đánh bạc:

- Bị cáo **Võ Thị Lệ T1** có vai trò tích cực, bị cáo đã bị xét xử về tội đánh bạc chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục vi phạm pháp luật; Tại đài **miền T: T1** ghi và chuyển lại cho **H** số tiền 2.798.600 đồng; **T1** giữ lại 18.110.520 đồng để trực tiếp thắng thua với người chơi; Đài **miền N: T1** nhận và trực tiếp thắng thua với người chơi tổng 3.612.880 đồng; Đài **miền B: T1** nhận và trực tiếp thắng thua với người chơi 2.520.120 đồng. Bị cáo phạm tội đánh bạc thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” và “tái phạm”; Do đó trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **T1** thấp hơn bị cáo **H** nhưng cao hơn các bị cáo khác.

- Bị cáo **Nguyễn Thị Xuân S** ghi số lô, số đề tại đài **miền T: S** chuyển lại cho **T1** số lô, số đề tương ứng số tiền 5.220.200 đồng để hưởng chênh lệch; **S** giữ lại 42.294.000 đồng để trực tiếp thắng thua với người chơi; Đài **miền N: S** chuyển lại cho **T1** số lô, số đề tương ứng số tiền 2.241.200 đồng để hưởng chênh lệch; **S** giữ lại 11.458.700 đồng để trực tiếp thắng thua với người chơi; Đài **miền Bắc: S** giữ lại 1.966.000 đồng để trực tiếp thắng thua với người chơi. Bị cáo phạm tội đánh bạc thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên”; Do đó trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là thấp hơn bị cáo **T1** nhưng cao hơn các bị cáo còn lại khác.

Việc bị cáo **S** chuyển lại cho **T1** số lô, số đề để **S** hưởng chênh lệch nhưng số tiền không đủ 20.000.000 đồng, cũng không đủ 10 người hoặc 02 chiếu bạc nên đại diện Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố là phù hợp.

- Đối với các bị cáo **Nguyễn Hưng Q**, **Trần Thị L2**, **Lê Thị L** đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề nhưng số tiền ít hơn các bị cáo nói trên, vai trò thứ yếu nên cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Hưng Q**, **Trần Thị L2** ngang nhau và nhẹ hơn so với các bị cáo khác trong vụ án; Còn bị cáo **Lê Thị L** có mức hình phạt thấp nhất.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Võ Thị Lệ T1** phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” và “tái phạm”, quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Bị cáo **Nguyễn Thị Xuân S** “phạm tội 02 lần trở lên”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

[5.2] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thực sự thành khẩn khai báo, đều có thái độ ăn năn hối cải được áp dụng tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Riêng các bị cáo **Q**, **L2**, **L** phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo **Lê Thị L** đã trên 70 tuổi nên áp dụng thêm tình tiết quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Ngoài ra, bị cáo **H** gia đình có công với Cách mạng; Các bị cáo

H, S, L, L2 có trình độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế; Bị cáo H có con còn nhỏ; Các bị cáo H, T1, S, Q, L, L2 đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn... đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó HĐXX cần xem xét, áp dụng trong khi lượng hình để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Xét thấy các bị cáo S, H, Q, L2, L có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Có nơi cư trú rõ ràng. Do đó không cần thiết cách ly các bị cáo S, H, Q, L2, L ra khỏi đời sống xã hội mà cho tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và sự phối hợp của gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; Đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc cho các bị cáo H, Q, L2, L được hưởng án treo; Bị cáo S được cải tạo không giam giữ, là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Về việc khấu trừ một phần thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự: Xét thấy bị cáo S không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[7] Đối với bị cáo Võ Thị Lệ T1 đã bị xét xử về tội đánh bạc, chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội nhiều lần và thuộc trường hợp tái phạm nên cần cách ly ra khỏi đời sống nhằm cải tạo, giáo dục riêng đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 tờ giấy kích thước 15cm x 20cm trên tờ giấy có ghi các số lô, số đề có chữ ký của Nguyễn Thị Xuân S là vật chứng của vụ án, cần lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen của Nguyễn Thị Xuân S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màn hình cảm ứng, màu đen, số Imei1: 868236040938277, số Imei 2: 868236040938269 của Võ Thị Lệ T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bàn phím số, màu đen, số I: 353120114702557, không có pin, không có vỏ nắp phía sau, số sơ ri sim 898402000 và 11417206610 của Võ Thị H, là tài sản các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước; Riêng 01 sim điện thoại số 0972109447 của Nguyễn Thị Xuân S, 01 sim điện thoại số 0946154553 của Võ Thị Lệ T1, 01 sim điện thoại số 0947288645 của Võ Thị H cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền Nguyễn Thị H6 đã giao nộp 100.000 đồng; Phan Thị H5 giao nộp 390.000 đồng; Phạm Thị N1 giao nộp 165.000 đồng là tiền các đối tượng ghi số lô, số đề với Nguyễn Thị Xuân S nên cần tịch thu để sung công quỹ Nhà nước;

- Đối với số tiền 9.530.000 đồng thu giữ trên người Nguyễn Thị Xuân S: Quá trình điều tra xác định 8.000.000 đồng là của Nguyễn Ngọc T5 (là em trai S) nhờ S cất giúp; Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền 8.000.000 đồng cho T5 là phù hợp, cần chấp nhận; Số tiền còn lại 1.530.000 đồng là S nhận của những người ghi số lô, số đề với S nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với tổng số tiền 44.036.400 đồng, là tiền trúng đề của các bị cáo và các đối tượng (gồm: Trần Thị L2 7.700.000 đồng, Nguyễn Hưng Q 21.000.000 đồng và Phan Thị H5 1.400.000 đồng, Nguyễn Thị H6 175.000 đồng và Cao Thị T4 700.000 đồng, L3 2.100.000 đồng, L4 2.800.000 đồng, H8 4.200.000 đồng, H9 1.400.000 đồng) và tiền bị cáo S chuyển số lô, số đề cho bị cáo T1 (2.561.400 đồng) nên cần truy thu của Nguyễn Thị Xuân S để sung công quỹ Nhà nước;

- Đối với số tiền 10.125.800 đồng, là tiền L2 ghi số đề của S và H nên cần truy thu của Trần Thị L2 để sung công quỹ Nhà nước;

- Đối với số tiền của Nguyễn Hưng Q 4.615.000 đồng và đối tượng Cao Thị T4 372.000 đồng, là tiền Q và T4 ghi số lô, lô đề với Nguyễn Thị Xuân S nên cần truy thu của Q và T4 để sung công quỹ Nhà nước;

- Đối với số tiền tổng 15.258.600 đồng, gồm tiền của bị cáo S và đối tượng N2, T6 ghi, chuyển đề đến cho T1 và trúng (trong đó: Sang 4.900.000 đồng, đối tượng N2 6.510.000 đồng, T6 2.450.000 đồng) và tiền T1 chuyển số lô, số đề cho H (1.398.600 đồng), nên cần truy thu của T1 để sung công quỹ Nhà nước;

- Đối với số tiền tổng 15.050.000 đồng, gồm tiền của bị cáo T1, L và đối tượng L4 ghi, chuyển đề đến cho Võ Thị H và trúng (T1 1.400.000 đồng, L 11.900.000 đồng, đối tượng L4 1.750.000 đồng), nên cần truy thu của H để sung công quỹ Nhà nước;

- Đối với số tiền 9.898.000 đồng, là tiền bị cáo L ghi số lô, số đề với bị cáo H nên cần truy thu của Lê Thị L để sung công quỹ Nhà nước.

[9] Đối với các hành vi và đối tượng khác liên quan trong vụ án:

Đối với Phan Thị H5, Nguyễn Thị H6, Cao Thị T4 và Phạm Thị N1 là những người ghi số lô, số đề với Nguyễn Thị Xuân S. Tuy nhiên, số tiền sử dụng đánh bạc chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc; Phan Thị H5, Nguyễn Thị H6, Cao Thị T4 và Phạm Thị N1 chưa có tiền án, tiền sự về tội đánh bạc hoặc tổ chức đánh bạc và gá bạc. Vì vậy, Công an huyện K ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật, là phù hợp;

Đối với L3 có số thuê bao 0913083719; Ly có số thuê bao 0349214241; Hường có số thuê bao 0328137919; H8 có số thuê bao 0944694547; H6, H9 (chưa xác định được nhân thân lai lịch) ghi số lô, số đề với Nguyễn Thị Xuân S. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành tra cứu thông tin số thuê bao nhưng chưa có kết quả nên chưa làm rõ được hành vi phạm tội của những người này;

Đối với **T6** (*chưa xác định được nhân thân lai lịch*) có số thuê bao 0396759238 ghi số đề với **Võ Thị Lệ T1**, **T1** lưu tên trong danh bạ điện thoại là “Thúy Đức”. Quá trình điều tra xác định số thuê bao 0396759238 đăng ký tên của bà **Phạm Thị Kim D2**, sinh ngày 16/02/1976, trú tại **B Khu phố A, phường T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh**. Tiến hành xác minh tại địa chỉ **B Khu phố A, phường T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh** thì **Phạm Thị Kim D2** không có hộ khẩu hay đăng ký tạm trú tại đây và hiện nay không xác định được **D2** đang ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện K** chưa làm rõ được hành vi phạm tội của **T6**.

Đối với **N2** (*chưa xác định được nhân thân lai lịch*) có số thuê bao 0918862606 ghi số lô, số đề với **Võ Thị Lệ T1**. Quá trình điều tra xác định số thuê bao 0918862606 đăng ký tên của **Trịnh Văn H10**, sinh ngày 15/10/1986, trú tại **thôn D, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**. Cơ quan điều tra đã làm việc với **Trịnh Văn H10**, quá trình làm việc **H10** khai nhận từ trước đến nay chưa đăng ký và sử dụng số thuê bao 0918862606, **H10** chỉ đăng ký sử dụng số thuê bao 0911308707. Bản thân **H10** không quen biết và tham gia đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề với **T1**;

Đối với số thuê bao 0824165189; 0856478119 là các số nhắn tin ghi số lô, số đề với **Võ Thị H**. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện K** đã tiến hành tra cứu thông tin thuê bao nhưng chưa có kết quả nên chưa làm rõ được hành vi phạm tội đối với 02 số thuê bao trên;

Đối với số thuê bao 0945153847; 0366114435, **Võ Thị H** khai là số thuê bao của **B2** (*chưa xác định được nhân thân lai lịch*), là người Huệ đã chuyển các số lô, số đề vào ngày 02/3/2023. Quá trình điều tra xác định số thuê bao 0945153847 đăng ký tên của **Bùi Ngọc H11**, sinh ngày 02/12/1975, trú tại **khu phố H, thị trấn H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh**. Cơ quan điều tra đã làm việc với **Bùi Ngọc H11**, quá trình làm việc **H11** khai nhận từ trước đến nay chưa bao giờ đăng ký và sử dụng số thuê bao 0945153847, **H11** chỉ đăng ký sử dụng số thuê bao 0982873848; Bản thân **H11** không quen biết và tham gia đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề với **Võ Thị H**. Số thuê bao 0366114435 đăng ký tên của **Phạm Lê T8**, sinh ngày 23/7/1997, trú tại **thôn D, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**. Hiện nay **Phạm Lê T8** không có mặt tại địa phương và không biết đang ở đâu. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện K** chưa làm rõ được hành vi phạm tội;

Ngày 11/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện K** ra quyết định tách vụ án hình sự đối với hành vi của **B2** có 02 số thuê bao 0945153847 và 366114435, số thuê bao 0824165189, số thuê bao 0856478119 theo lời khai của **Võ Thị H**; **L3** có số thuê bao 0913083719, **L4** có số thuê bao 0349214241; **Hùng** có số thuê bao 0328137919; **H8** có số thuê bao 0944694547; **H6**; **H9** theo lời khai của **Nguyễn Thị Xuân S**; **T6** có số thuê bao 0396759238; Nguyệt có số thuê bao 0918862606 theo lời khai của **Võ Thị Lệ T1** thành vụ án khác để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật, là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321, khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

[1] *Tuyên bố:*

Bị cáo **Võ Thị H** phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự;

Các bị cáo **Võ Thị Lệ T1**, **Nguyễn Thị Xuân S**, **Nguyễn Hưng Q**, **Trần Thị L2** và **Lê Thị L** phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự;

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

[2.1] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Võ Thị H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**, về tội “Tổ chức đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[2.2] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Võ Thị Lệ T1 01 (một) năm tù**, về tội “Đánh bạc”.

[2.3] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Xuân S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** cải tạo không giam giữ, về tội “Đánh bạc”; Khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 03/3 đến ngày 09/3/2023 (tương ứng 18 ngày cải tạo không giam giữ); Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại phải chấp hành là 02 năm 05 tháng 12 ngày, tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự **Công an huyện K**, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo **Nguyễn Thị Xuân S**.

[2.4] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hưng Q 09 (chín) tháng tù**, về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[2.5] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Thị L2 09 (chín) tháng tù**, về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[2.6] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, o, s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Thị L 07** (bảy) tháng tù, về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Giao các bị cáo **Võ Thị H**, **Nguyễn Hưng Q**, **Trần Thị L2** và **Lê Thị L** cho Ủy ban nhân dân thị trấn **P**, huyện **K**, tỉnh **Đắk Lắk** để giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Giao bị cáo **Nguyễn Thị Xuân S** cho Ủy ban nhân dân thị trấn **P**, huyện **K**, tỉnh **Đắk Lắk** giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo **S** có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Bị cáo **S** phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

[3] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Lưu theo hồ sơ vụ án 01 tờ giấy kích thước 15cm x 20cm trên tờ giấy có ghi các số lô, số đề có chữ ký của **Nguyễn Thị Xuân S**.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen của **Nguyễn Thị Xuân S**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màn hình cảm ứng, màu đen, số Imei1: 868236040938277, số Imei 2: 868236040938269 của **Võ Thị Lệ T1**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bàn phím số, màu đen, số I: 353120114702557, không có pin, không có vỏ nắp phía sau, số sơ ri sim 898402000 và 11417206610 của **Võ Thị H**.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại số 0972109447 của **Nguyễn Thị Xuân S**; 01 sim điện thoại số 0946154553 của **Võ Thị Lệ T1**; 01 sim điện thoại số 0947288645 của **Võ Thị H**.

(Có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/12/2023, giữa **Công an huyện K** và Chi cục Thi hành án dân sự huyện **Krông Pắc**).

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 100.000 đồng của **Nguyễn Thị H6**; 390.000 đồng của **Phan Thị H5**; 165.000 đồng của **Phạm Thị N1**; 1.530.000 đồng của **Nguyễn Thị Xuân S**; Tổng cộng: 2.185.000 đồng.

(Theo giấy nộp tiền ngày 12/12/2023 vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân huyện Krông Pắc).

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền: 8.000.000 đồng cho Nguyễn Ngọc T5, là chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 44.036.400 đồng của Nguyễn Thị Xuân S.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 10.125.800 đồng của Trần Thị L2.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 4.615.000 đồng của Nguyễn Hưng Q.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 372.000 đồng của Cao Thị T4.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 15.258.600 đồng của Võ Thị Lệ T1.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 15.050.000 đồng của Võ Thị H.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 9.898.000 đồng của Lê Thị L.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Võ Thị H, Võ Thị Lệ T1, Nguyễn Thị Xuân S, Nguyễn Hưng Q, Trần Thị L2 và Lê Thị L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Công an huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- UBND thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc;
- Các bị cáo; Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ VĂN ĐỨC